BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 4660/QĐ-ĐHSP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy học kỳ I, năm học 2026 - 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 11/11/2022 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026 của Ban Dân tộc và Tôn giáo về việc Công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm 70% học phí học kỳ I, năm học 2026 - 2027 cho **79** sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, Pháp chế - Kiểm tra Nội bộ, Giám đốc Phân hiệu Long An, Gia Lai, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: TC-HC, CTCT&HSSV.My

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cao Anh Tuấn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Sinh viên được giảm 70% học phí học kỳ 1, năm học 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 4660/QĐ-ĐHSP, ngày 30/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Tên ĐTMG	Mã ĐTMG
1	49.01.611.085	Rơ Ông Trần Hoài	Thương	06/10/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
2	49.01.619.017	Thị	Khiển	10/05/2005	Du lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
3	49.01.751.002	Hoàng Yến	Vy	04/02/2005	Ngôn ngữ Anh	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
4	49.01.754.034	Nông Thị	Hạnh	04/02/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
5	49.01.754.063	Trần	Khẹn	04/01/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
6	49.01.755.079	Tô Thị Ý	Như	28/05/2005	Ngôn ngữ Nhật	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
7	50.01.104.011	Kha Thái	Bảo	01/05/2006	Công nghệ Thông tin	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
8	50.01.104.033	Thạch Minh	Dũng	04/07/2006	Công nghệ Thông tin	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
9	50.01.603.006	Điểu Thị	Liên	25/06/2005	Sư phạm Địa lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
10	50.01.603.011	Vi Thị	Nhung	15/10/2006	Sư phạm Địa lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
11	50.01.611.027	Triệu Thị	Hằng	02/12/2006	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
12	50.01.611.039	A	Khiết	28/02/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
13	50.01.611.046	A Thành	Long	12/04/2005	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
14	50.01.611.085	Dư Thị	Tiên	01/04/2006	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
15	50.01.614.051	Lương Thục	Nghi	09/04/2006	Tâm lý học giáo dục	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
16	50.01.616.039	Lăng Thị Thùy	Hương	18/07/2005	Sư phạm Lịch sử - Địa Lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
17	50.01.616.077	K Thị Phương	Nghi	24/12/2006	SP Lịch sử - Địa Lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
18	50.01.618.013	Sơn Thị Mỹ	Ngọc	23/07/2006	Giáo dục Công dân	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
19	50.01.619.120	Tăng Thị Như	Ý	13/01/2006	Du Lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
20	50.01.754.023	Long Thị Mỹ	Duyên	25/05/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
21	50.01.754.029	Cung Thị Bích	Hân	18/04/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
22	50.01.754.116	Hoàng Thị Yến	Nhi	11/01/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
23	50.01.754.183	Luân Thị	Tiềm	24/07/2005	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
24	50.01.754.200	Lù Tuyết	Trinh	28/06/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Tên ĐTMG	Mã ĐTMG
25	50.01.901.060	Bàn Thị Thu	Hảo	19/03/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
26	50.01.901.063	Hồ Thị	Hiền	21/01/2005	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
27	50.01.901.207	K Thông Thủy	Tiên	22/09/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
28	51.01.105.043	Trầm Hiển	Long	21/05/2007	Vật lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
29	51.01.606.108	Kpă	Xuyên	20/06/2006	Văn học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
30	51.01.606.113	A	Phong	09/11/2006	Văn học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
31	51.01.611.002	Hoàng Mai	Linh	28/01/2007	Tâm lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
32	51.01.616.043	Châu Thị Thu	Lệ	04/11/2006	SP Lịch sử - Địa Lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
33	51.01.616.107	Hoàng Thị Thu	Thắm	14/02/2007	Sư phạm Lịch sử - Địa Lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
34	51.01.618.027	Triệu Thị Thanh	Thuý	19/08/2007	Giáo dục công dân	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
35	51.01.619.110	Hoàng Thị Huyền	Diệu	17/09/2007	Du lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
36	51.01.754.037	Chu Thị Hương	Giang	04/09/2006	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
37	51.01.754.183	Nông Kiều	Trang	03/10/2007	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
38	51.01.755.030	Lâm Ngọc	Lan	18/11/2003	Ngôn ngữ Nhật	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
39	51.01.901.031	Điểu Thị Thu	Hoài	11/04/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
40	51.01.901.122	Bùi Thị	Thuỷ	20/09/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
41	51.01.901.170	Trương Thị Thanh	Xuân	16/07/2006	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
42	51.01.902.051	Lang Thị Thu	Huệ	08/04/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
43	51.21.902.010	Nay H'	Gơly	09/09/2002	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
44	51.21.902.016		Hoa	19/12/2005	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
45	51.21.902.017	Rmah H'	Hợi	18/02/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
46	51.21.902.022	Kpă Nay H' Ling	Jang	18/03/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
47	51.21.902.023	Rơ Măh	Kha	22/12/2006	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
48	51.21.902.029	Đinh Thị Thu	Na	26/09/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
49	51.21.902.030	Rơ Châm	Nga	05/10/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
50	51.21.902.040	Ksor H'	Priu	26/03/2001	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
51	51.21.902.051	Rơ Lan H'	Vân	05/03/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
52	52.01.601.012	Dương Thị	Giang	28/02/2007	Sư phạm Ngữ văn	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
53	52.01.601.019	Lê Thị Thu	Hoài	05/10/2007	Sư phạm Ngữ văn	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
54	52.01.601.020	Cao Đàm	Hưng	12/06/2007	Sư phạm Ngữ văn	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
55	52.01.601.021	Trần Thị	Hương	03/03/2007	Sư phạm Ngữ văn	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06

Stt	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngành học	Tên ĐTMG	Mã ĐTMG
56	52.01.601.050	Trần Lê Ngọc	Ni	06/03/2007	Sư phạm Ngữ văn	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
57	52.01.602.014	Trần Anh	Khiêm	19/09/2007	Sư phạm Lịch sử	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
58	52.01.603.014	Lâm Minh	Hiếu	20/11/2007	Sư phạm Địa lý	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
59	52.01.605.013	Lâm Thị Bé	Nhi	01/11/2007	Giáo dục Chính trị	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
60	52.01.607.056	Thị	Thâm	15/10/2008	Việt Nam học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
61	52.01.612.040	Tô Thị Ngọc	Liên	21/06/2008	Công tác xã hội	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
62	52.01.612.067	H Ban	Niê	24/03/2007	Công tác xã hội	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
63	52.01.612.082	Hà Quang	Thành	22/06/2006	Công tác xã hội	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
64	52.01.613.006	Triệu Thị	Diễm	17/01/2008	Địa lý học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
65	52.01.614.015	Châu Thị Việt	Hà	25/07/2007	Tâm lý học giáo dục	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
66	52.01.619.037	H' Minh Buôn	Krông	08/11/2008	Du lịch	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
67	52.01.625.015	Pang Ting H'	Khương	27/04/2008	Chính trị học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
68	52.01.702.008	Lữ Tiến	Khoa	06/12/2007	Sư phạm tiếng Nga	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
69	52.01.754.189	Huỳnh Mỹ	Tiên	16/11/2008	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
70	52.01.901.156	Bế Thị	Nương	02/02/2007	Giáo dục Tiểu học	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
71	52.01.905.005	Cầm Thị	Hoài	03/06/2007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
72	52.01.905.035	Bùi Văn	Tuấn	28/03/2007	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
73	52.21.901.103	Nông Thị	Phấn	14/07/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
74	52.21.902.004	Siu H' Quỳnh	Giao	06/02/2008	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
75	52.21.902.008	Nay H'	Hóa	22/10/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
76	52.21.902.009	Ksor H'	Huyên	27/08/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
77	52.21.902.023	Rơ Châm	Ngân	14/03/2002	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
78	52.21.902.032	Kpă H' Đơ	Ra	27/12/2007	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06
79	52.21.902.033	Lương Thị	Sao	26/12/2008	Giáo dục Mầm non	DTTS vùng KT-XH khó khăn	06

Danh sách có 79 sinh viên./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cao Anh Tuấn